

Số: 413/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
trình độ đại học, liên thông hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 7140201)** trình độ đại học, liên thông hệ chính quy, khoá đào tạo 2019-2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON (Early Childhood Education)

Mã số: 7140201. Loại hình đào tạo: LIÊN THÔNG HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 413/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non có tư tưởng đạo đức tốt, có năng lực, phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với trẻ, có tư duy giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình GDMN mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

1. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội mầm non vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.
2. Phân tích kiến thức chuyên ngành và khoa học giáo dục mầm non vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.
3. Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.
4. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình phụ huynh học sinh, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

2.2. Về kỹ năng

5. Thực hiện phối hợp các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.
6. Quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở các cơ sở giáo dục mầm non.
7. Lập được chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.
8. Thao tác được trong việc thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.
9. Thao tác được công việc quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

2.3. Về thái độ

10. Yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.
11. Có tinh thần tự học, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

12. Thực hiện hoặc phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

13. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

14. Có khả năng xử lí được các tình huống bất thường xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

15. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2.5. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên dạy ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.

- Phát triển hoặc tổ chức quản lí, điều hành cơ sở giáo dục mầm non tư thục.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Tiếp tục học tập để đạt được học vị thạc sĩ cùng chuyên ngành.

3. Thời gian đào tạo: 1,5 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 51 tín chỉ

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	15	14	2
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	36	30	4
2.1	Kiến thức cơ sở	09	09	0
2.2	Kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ	14	8	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	4	4	0
2.4	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	2	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	7	0
Tổng cộng		51	45	6

5. **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng Giáo dục Mầm non. Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo đã được thiết kế.

7. **Thang điểm:** Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
7.1		Kiến thức giáo dục đại cương	15	209	16	0	0	
7.1.1		Ngoại ngữ	3	45	0	0	0	
1	NG116173	Tiếng Anh Chuyên ngành Mầm non	3	45	0	0	0	

7.1.2	Khoa học xã hội và nhân văn		8	115	5	0	0	
	- Bắt buộc:		6	85	5	0	0	
2	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
3	LC110172	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30	0	0	0	
4	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn: (chọn 2/4 TC)		2	30	0	0	0	
5	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0	0	
6	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
7.1.3	Khoa học tự nhiên-công nghệ:		4	49	11	0	0	
7	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
8	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		36	345	30	330	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở		7	75	0	60	0	
9	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
10	TM123453	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	
11	NT110732	Tổ chức và Dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2	15	0	30	0	
7.2.2	Kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ		16	150	15	150	0	
	- Bắt buộc:		12	105	15	120	0	
12	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ Mầm non	2	15	0	30	0	
13	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	
14	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
15	TM123462	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
16	TM121092	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn: (chọn 4/6TC)		4	45	0	30	0	
17	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
18	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
19	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		4	30	0	60	0	
20	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
21	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên (4)	1	0	0	30	0	21
22	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
7.2.4	Tiểu luận khoa học giáo dục		2	0	0	60	0	
23	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	5
7.2.5	Khoá luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế		7					
	Khóa luận tốt nghiệp		7					
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	90	15	0	0	
24	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	30	0	0	0	
25	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
26	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			51	554	46	330	0	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. HỌC KỲ I: 18 TC (bắt buộc: 16 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			16	209	16	30	0	
1	NG116173	Tiếng Anh Chuyên ngành Mầm non	3	45	0	0	0	
2	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
3	LC110172	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30	0	0	0	
4	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
5	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
6	TN114042	Thống kê giáo dục	2	19	11	0	0	
7	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
8	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
- Tự chọn: (chọn 2/4 TC)			2	30	0	0	0	
9	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0	0	
10	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			18	239	16	30	0	

8.2. HỌC KỲ II: 18 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			13	105	15	150	0	
1	TM123462	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
2	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ Mầm non	2	15	0	30	0	
3	TM123453	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ	3	30	0	30	0	
4	NT110732	Tổ chức và Dẫn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2	15	0	30	0	
5	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên (4)	1	0	0	30	0	
6	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
- Tự chọn: (chọn 4/6TC)			4	45	0	30	0	
7	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
8	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
9	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			17	150	15	180	0	

8.8. HỌC KỲ III: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	
2	TM121092	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
3	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
4	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	
5.	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
5a	Khóa luận tốt nghiệp		7					
5b	Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp		7	90	15	0	0	
1	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	30	0	0	0	
2	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
3	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
Tổng cộng			16	165	15	120	0	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Tiếng Anh Chuyên ngành Mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên sinh viên ngành Mầm non cách thức dạy cho trẻ nhận biết và nói những từ vựng đơn giản thông qua tranh ảnh, tổ chức các trò chơi có sử dụng tiếng Anh, dạy các bài hát đơn giản hoặc kể chuyện bằng tiếng Anh cho trẻ. Học phần giúp sinh viên tạo được còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành mầm non nhằm đáp ứng việc nghiên cứu trong công tác chuyên môn.

9.2. Tiếng Việt

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về ngôn ngữ học và Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; từ vựng tiếng Việt; ngữ pháp – văn bản Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.3. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ

2 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh.

9.4. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.5. Lịch sử văn minh thế giới

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần khái quát những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại; sự phát triển về kỹ thuật và khoa học tự nhiên; sự phát triển về tư tưởng.

9.6. Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.7. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.8. Thống kê giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất làm nền tảng trong thống kê; ứng dụng thống kê hiện đại dùng để miêu tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn các kết quả thu được qua các hoạt động giảng dạy, quản lý hay

trong một cuộc nghiên cứu thuộc tâm lý – giáo dục; những định hướng xử lý, phân tích số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính.

9.9. Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản, cốt yếu về tiền đọc viết, các thành tố của khả năng tiền đọc, viết; Ý nghĩa, cơ sở khoa học của việc hình thành và phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp, biện pháp giáo dục nhằm hình thành và phát triển hệ thống năng lực tiền đọc, viết làm tiền đề cho việc thủ đắc ngôn ngữ cho trẻ; Giới thiệu một số khuynh hướng triết lý giáo dục mới gắn với loại công cụ chữ viết giúp người học vận dụng vào hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non.

9.10. Văn học dân gian 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần gồm:

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm cơ bản và hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam.

Bước đầu trang bị cho sinh viên vốn kiến thức cần thiết để sinh viên có điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với các học phần văn học khác.

9.11. Vệ sinh - chăm sóc trẻ 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).

9.12. Tổ chức và Dẫn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu các ngày hội ngày lễ ở trường mầm non. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên tập chương trình văn nghệ, biên soạn động tác múa, kỹ năng và kiến thức về hát đơn ca, song ca, tốp ca, phối bè. Kỹ năng xây dựng kịch bản lễ hội ở trường mầm non. Dẫn dựng và tổ chức thực hiện các chương văn nghệ, chương trình hoạt động âm nhạc trong các ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non.

9.13. Làm đồ chơi cho trẻ mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.14. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

Học phần cung cấp cho sinh viên:

Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.

9.15. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình

thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.

9.16 Tổ chức hoạt động cho trải nghiệm cho trẻ mầm non

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, bao gồm: khái niệm, quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm, vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sử dụng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm trong các hình thức hoạt động, với các lứa tuổi và các loại hình trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu) theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

9.17. Đàn phím điện tử

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Giúp học viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử trong phạm vi từ không đến một dấu hóa. Làm phương tiện dạy học âm nhạc ở trường Tiểu học..

9.18. Thẻ đục nghệ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thẻ đục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thẻ đục với vòng gồm 32 động tác và bài thẻ đục với lựa gồm 10 động tác.

9.19. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

9.20. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Củng cố, hệ thống hóa những kiến thức đã học ở tất cả các học phần tâm lý học, giáo dục học; rèn luyện các kỹ năng cụ thể của dạy học, kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng, hình thành trình độ NVSP chuẩn bị cho sinh viên trong đợt thực tập sư phạm. Cụ thể:

a. RLNVSP 3

1TC

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi nhà trẻ

Thực hành kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc trẻ, vệ sinh trẻ.

- Dự giờ khỏi nhà trẻ

- Tổng kết rút kinh nghiệm, tập giảng.

b. RLNVSPTX 4

1TC

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi mẫu giáo

- Thực hành kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (chăm sóc trẻ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung).

- Dự giờ, tổng kết rút kinh nghiệm.

9.21. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu

trường; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tinh huớng và cách xử lý một số tình huớng quản lý nhà trường mầm non.

9.22. Tiểu luận khoa học giáo dục

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Hướng dẫn phát hiện đề tài, quan sát thu thập dữ liệu, phân tích xử lý số liệu, bố trí thực nghiệm sư phạm, xác định kết quả nghiên cứu, viết tiểu luận khoa học.

9.23. Giao tiếp với trẻ em

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

9.24. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình giáo dục mầm non.

9.25. Nghề giáo viên Mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp các kiến thức cơ bản về: Nghề, nghề giáo viên và nghề giáo viên Mầm non; nhiệm vụ của giáo viên Mầm non; Đặc điểm hoạt động sư phạm của giáo viên Mầm non; Các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp của giáo viên Mầm non; Con đường hình thành nghề giáo viên Mầm non.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non
2	Võ Ngọc Hoa, 1976, Phó trưởng khoa KHXHNV	GVC, 2018	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Đối chiếu	Tiếng Việt
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
4	Lê Bạt Sơn, 1967, Phó Trưởng khoa Khoa Tâm lí- giáo dục	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Quản lý nhà trường - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
5	Nguyễn Văn Thương, 1971, Trưởng khoa KHXH & NV	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử văn minh thế giới
6	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt nam
7	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH-MN	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
8	Nguyễn Tiến Thành, 1960, Phó Trưởng khoa GDTH - MN	GVC 2011	Ths, Việt Nam 2003	Toán	Thống kê giáo dục
9	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC 2011	Ths, Việt Nam 2005	Ngôn ngữ	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non
10	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian
11	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	GD Mầm non	- Vệ sinh - chăm sóc trẻ - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non
12	Phan Thị Lan, 1972, TBM. Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
13	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Âm nhạc	- Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
14	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa Khoa GDTH - MN	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

					- Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
15	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
16	Trần Đắc Ân, 1966, PTK GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GD Thể chất	Thẻ đục nghệ thuật
17	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giáo dục hoà nhập
18	Phan Thị Lan, 1971, TBM. Tâm lý	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học- Giáo dục học	- Nghề giáo viên mầm non - Giao tiếp với trẻ em

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng máy vi tính.
- Phòng Thực hành Mầm non

11.2 Thư viện

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m² sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học, học phần
1	New English File Pre-Intermediate	Chieoxenden, Christinalatham Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2012	Tiếng Anh B1
2	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007	Tiếng Việt
3	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG HN	2002	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
4	Phương pháp NCKH GD	Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Tuấn (2012)	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2012	Phương pháp NCKH GD
5	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	2003	Lịch sử văn minh thế giới
6	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và lôgic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

7	- Giáo trình phát triển khả năng tiền đọc viết tuổi mầm non theo hướng tích hợp. - Hình thành khả năng tiền đọc viết ban đầu cho trẻ em tuổi mầm non	Đinh Hồng Thái	Giáo dục Đại học Quốc gia, Hà Nội	2014 2015	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non
8	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian
9	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
10	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
11	Kịch bản lễ hội ở trường mầm non	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	2006	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non.
12	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
13	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em
14	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
15	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP Hà Nội	2018	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
16	Thẻ đục nghệ thuật và Thẻ đục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thu	Giáo dục	2000	Thẻ đục nghệ thuật
17	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2008	Giáo dục hòa nhập
18	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007	Rèn luyện NVSPTX
19	Quản lý nhà trường	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo – TS. Nguyễn Thành Vinh	Giáo dục	2011	Quản lý nhà trường
20	- Giao tiếp với trẻ em. - Giao trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên Hà Nội	2006 2005	Giao tiếp với trẻ em
21	Phương pháp đọc diễn cảm	Hà Nguyễn Kim Giang	ĐHSP	2007	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
22	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	Giáo dục	2008	Nghề giáo viên mầm non

11.4. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Grammar English book for Non-English máo Students'self	Tôn Nữ Phương Thảo	ĐHPY	2012	Tiếng Anh B1
2.	New Heaway English course Pre-Intermediate workbook	John and Liz Soars	Oxford University Press	2000	Tiếng Anh B1
3.	Ngữ nghĩa Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	ĐHQG Hà Nội	1996	-Tiếng Việt
4.	Ngữ pháp Tiếng Việt	Diệp Quang Ban	Giáo dục Hà Nội	2000	-Tiếng Việt
5.	Phong cách học Tiếng Việt	Đình Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa	Giáo dục Hà Nội	1993	-Tiếng Việt
6.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học & kỹ thuật	1999	Phương pháp NCKH
7.	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông	Học viện quản lý giáo dục		2013	Phương pháp NCKH
8.	Tập hợp – Logic và số học	Phan Hữu Châu, Nguyễn Tiến Tài	Giáo dục	1998	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
9.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết Hà Thúc Hoan	Giáo dục ĐHSP	1996 1998	Tiếng Việt thực hành
10.	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian
11.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
12.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
13.	Toán và PP hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)	Đình Thị Nhung	ĐHSP	2003	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em.
14.	Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp	Lê Ngọc Canh	Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
15.	Tổ chức và dàn dựng chương trình biểu diễn ở cơ sở	Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội	Giáo dục	2000	Tổ chức và dàn dựng chương trình ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non
16.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ em
17.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	PP đọc diễn cảm tác phẩm văn học - PP cho trẻ làm quen tác phẩm văn học

18.	Phương pháp dạy và học đàn phím	Nguyễn Xuân Tứ		2007	Đàn phím điện tử
19.	Giáo trình kí – xướng âm	Nhiều tác giả	Nhạc viện Hà Nội		Đàn phím điện tử
20.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006	Quản lý nhà trường
21.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003	Quản lý nhà trường
22.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thông kê	1999	Quản lý nhà trường
23.	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT	Giáo dục	2009	Quản lý nhà trường
24.	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải	Giáo dục	2008	Giáo dục hoà nhập

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Giảng viên: Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy đại học

- Sinh viên: Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

- Tập dượt cho sinh viên NCKH.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

Phòng học, phòng thực hành

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.

- 2 phòng dạy nhạc.

- 1 phòng máy vi tính.

- Phòng Thực hành Mầm non

- Thư viện, học liệu



KIỂM HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Định